UBND XÃ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG GPMB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do - Hạnh phúc

Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2026

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ GPMB THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG SẮT LÀO CAI - HÀ NỘI - HẢI PHÒNG ĐOẠN QUA ĐỊA BÀN XÃ CHÍ MINH ĐỢT 10

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CHÍ MINH, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Kèm theo Quyết định phê duyệt phương án số: 1420/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2026 của UBND xã Chí Minh)

TT	Họ và tên	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Diện tích, loại đất thu hồi và bồi thường (m2)			Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)					Ghi chú
			Đất ở tại nông thôn (ONT) (m2)	Đất vườn trong cùng thửa đất có đất ở (CLN) (m2)	Đất ao trong cùng thửa đất có đất ở (NTS) (m2)	Bồi thường, hỗ trợ đất	Bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu	Bồi thường chi phí di chuyển sản (m2)	Các khoản hỗ trợ khác	Tổng cộng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11=7++8+ 9+10*	
1	Phạm Văn Thương	**594,7**	594,7			4.637.292.000	1.602.372.000	14.000.000	68.000.000	**6.321.664.000**	
2	Trần Danh Đại	**207,5**	206,4	1,1		1.029.012.000	1.310.145.000	0	20.000.000	**2.359.157.000**	
3	Nguyễn Văn Cường	**144,8**	144,4	0,4		1.084.698.000	798.574.000	0	20.000.000	**1.903.272.000**	
4	Đặng Văn Hưng	**442,7**	100,0	338,0	4,7	1.691.030.000	1.807.194.000	21.000.000	68.000.000	**3.587.224.000**	
5	Nguyễn Thị Xo	**254,9**	254,9			2.102.925.000	987.506.000	14.000.000	50.000.000	**3.154.431.000**	
6	Đặng Xuân Lực	**124,6**	120,0	4,6		917.802.000	659.946.000	0	20.000.000	**1.597.748.000**	
7	Đồng Xuân Điệp	**138,0**	60,0	78,0		751.860.000	811.787.000	14.000.000	68.000.000	**1.645.647.000**	

TT	Họ và tên	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Diện tích, loại đất thu hồi và bồi thường (m2)			Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)					Ghi chú
			Đất ở tại nông thôn (ONT) (m2)	Đất vườn trong cùng thửa đất có đất ở (CLN) (m2)	Đất ao trong cùng thửa đất có đất ở (NTS) (m2)	Bồi thường, hỗ trợ đất	Bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu	Bồi thường chi phí di chuyển sản (m2)	Các khoản hỗ trợ khác	Tổng cộng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	
8	Nguyễn Hữu Thảo	**227,0**	200,0	27,0		1.604.490.000	947.954.000	14.000.000	50.000.000	**2.616.444.000**	
9	Nguyễn Thiên A	**262,5**	200,0	62,5		1.906.980.000	1.683.936.000	14.000.000	68.000.000	**3.672.916.000**	
10	Nguyễn Thiên Toán	**203,0**	203,0			1.434.750.000	1.173.500.000	14.000.000	68.000.000	**2.690.250.000**	
Cộng		**2.599,7**	**2.083,4**	**511,6**	**4,7**	**17.160.839.000**	**11.782.914.000**	**105.000.000**	**500.000.000**	**29.548.753.000**	
Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, năm trăm bốn mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi ba ngàn đồng chẵn											